TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST Ngày 27-6-2018 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Dịu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Phùng

Bà Nguyễn Thị Huyền Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 về " ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980. Đăng ký HKTT: Thôn 3, xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn 6, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Bị đơn: Anh Đồng Văn H, sinh năm 1966. Cư trú tại: Thôn 4, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 12 tháng 3 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện chung sống với anh Đồng Văn H từ tháng 2 năm 2007, được hai gia đình đồng ý, sống công khai nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa hai người xảy ra từ đầu năm 2016, do mất niềm tin trong tình cảm cũng như làm ăn kinh tế,

dẫn đến hai người xúc phạm nhau và sống ly thân từ giữa năm 2016 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm không còn, chị xin ly hôn anh H.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đồng Văn Hải V, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2008 đang do chị nuôi dưỡng. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con đến khi đủ 18 tuổi. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con giữa chị và anh H đã thỏa thuận, tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đồng Văn H khai thống nhất với chị T về thời gian, điều kiện chung sống cũng như nguyên nhân mâu thuẫn. Anh chị sống ly thân từ giữa năm 2016 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị T xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 01 con là Đồng Văn Hải V, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2008 đang do chị T nuôi dưỡng. Nếu ly hôn anh đồng ý để con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con giữa anh và chị T đã thỏa thuận, tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên nội dung, yêu cầu nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; mục 3 Nghị quyết số 35/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị T và Đồng Văn H là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Đồng Văn Hải V, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2008 cho chị T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hai bên đương sự đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật: Đây là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Qua lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã T cung cấp, thì chị Nguyễn Thị T và anh Đồng Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 02 năm 2007, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay chị T xin ly hôn anh H; căn cứ vào điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Mục 3 Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cáo, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Cần tuyên bố không công nhận chị T và anh H là vợ chồng như quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đồng Văn Hải V, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2008. Anh chị thống nhất chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu V đến khi cháu đủ 18 tuổi, phù hợp với nguyện vọng của cháu V, phù hợp với các Điều 81,82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, các bên đương sự đã thỏa thuận, tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra trong vụ án.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; các Điều 14, 15, 53, 81,82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị T và Đồng Văn H là vợ chồng

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đồng Văn Hải V, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hai bên đương sự đã thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0012027 ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị T đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đượng sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA huyện K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Dịu